

**BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI VÀ CHÀO PHÍ BẢO HIỂM**  
**SẢN PHẨM : UIC FAMILY SHIELD**  
**BẢO HIỂM GỐC : CÔNG TY BẢO HIỂM LIÊN HIỆP**

**I/ TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH**

- ◆ Thai sản tích hợp với mức cao chỉ đồng 15% tại viện tư nhân quốc tế
- ◆ Thành viên sử dụng nhiều có thể tận dụng quyền lợi từ thành viên ít sử dụng
- ◆ Chương trình tích hợp tất cả các quyền lợi gồm nằm viện, phẫu thuật do ốm bệnh, khám ngoại trú, thai sản...
- ◆ Chương trình bảo hiểm cho toàn bộ cho gia đình trong một gói bảo hiểm duy nhất tại Việt Nam.

**II/ ĐIỀU KIỆN THAM GIA**

- ◆ Từ 60 ngày tuổi đến 65 tuổi (tái tục đến 70 tuổi với điều kiện là tái tục từ 60 tuổi với UIC)
- ◆ Không bị các bệnh lý về tâm thần, bệnh phong, ung thư, hội chứng DOWN
- ◆ Không bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên
- ◆ Không trong thời gian điều trị bệnh/ thương tật/ trong thời gian nằm viện
- ◆ Gia đình gồm Bố/Mẹ không quá 65 tuổi

**III / BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

| CHƯƠNG TRÌNH                                                                                                                                                                     | FAMILY BRONZE                                           | FAMILY SILVER                                           | FAMILY GOLD                                             | FAMILY GOLD PLUS                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>Điều kiện A – Chết /thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh</b>                                                                                                                  | <b>100,000,000 người - tối đa 400,000,000</b>           | <b>200,000,000/người, tối đa 800,000,000</b>            | <b>400,000,000/người, tối đa 1,000,000,000</b>          | <b>500,000,000/người, tối đa 1,000,000,000</b>          |
| <b>Điều kiện B – Chết/ thương tật vĩnh viễn do tai nạn</b>                                                                                                                       | <b>100,000,000 người - tối đa 400,000,000</b>           | <b>200,000,000/người, tối đa 800,000,000</b>            | <b>400,000,000/người, tối đa 1,000,000,000</b>          | <b>500,000,000/người, tối đa 1,000,000,000</b>          |
| <b>Điều kiện C – Chi phí y tế do tai nạn</b>                                                                                                                                     | <b>40,000,000/năm</b>                                   | <b>80,000,000/năm</b>                                   | <b>120,000,000/năm</b>                                  | <b>150,000,000/năm</b>                                  |
| <b>Điều kiện D – Nằm viện phẫu thuật do ốm bệnh</b>                                                                                                                              | <b>100,000,000/năm</b>                                  | <b>200,000,000/năm</b>                                  | <b>300,000,000/năm</b>                                  | <b>400,000,000/năm</b>                                  |
| <b>1. Nội trú</b>                                                                                                                                                                | <b>50,000,000/năm</b>                                   | <b>100,000,000/năm</b>                                  | <b>150,000,000/năm</b>                                  | <b>200,000,000/năm</b>                                  |
| + Tiền phòng (chúng/riêng)<br>+ Phòng chăm sóc đặc biệt<br>+ Phòng cấp cứu<br>+ Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện.<br>(Áp dụng cho cả chi phí điều trị trong ngày). | Trả chi phí thực tế tối đa 1,000,000/ngày /người        | Trả chi phí thực tế tối đa 2,000,000/ngày /người        | Trả chi phí thực tế tối đa 3,000,000/ngày /người        | Trả chi phí thực tế tối đa 4,000,000/ngày /người        |
| <b>2. Phẫu thuật</b>                                                                                                                                                             | <b>50,000,000/năm</b>                                   | <b>100,000,000/năm</b>                                  | <b>150,000,000/năm</b>                                  | <b>200,000,000/năm</b>                                  |
| + Phẫu thuật do ốm bệnh.<br>+ Phẫu thuật liên quan đến cấy ghép nội tạng.<br>(Không trả chi phí mua bộ phận ghép).                                                               | Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm. | Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm. | Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm. | Trả chi phí thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm. |
| <b>3. Các quyền lợi khác (bao gồm trong phần 1)</b>                                                                                                                              |                                                         |                                                         |                                                         |                                                         |
| a. Chi phí trước khi nhập viện (30 ngày trước khi nhập viện).                                                                                                                    | 2,500,000/năm                                           | 5,000,000/năm                                           | 7.500,000/năm                                           | 10,000,000/năm                                          |
| b. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (30 ngày kể từ ngày xuất viện).                                                                                                            | 2,500,000/năm                                           | 5,000,000/năm                                           | 7.500,000/năm                                           | 10,000,000/năm                                          |

|                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| c. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện (tối đa 15 ngày/năm).                                                                                                                                                                              | 2,500,000/năm                                                                                                  | 5,000,000/năm                                                                                                  | 7.500,000//năm                                                                                                 | 10,000,000/năm                                                                                                 |
| d. Trợ cấp nằm viện (tối đa 60 ngày/ năm).                                                                                                                                                                                                                 | 25,000/người/ngày                                                                                              | 40,000 /người/ngày                                                                                             | 50,000 /người/ngày                                                                                             | 75,000 /người/ngày                                                                                             |
| e. Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                      | 5,000,000/năm                                                                                                  | 10,000,000/năm                                                                                                 | 15,000,000//năm                                                                                                | 20,000,000//năm                                                                                                |
| f. Dịch vụ xe cứu thương                                                                                                                                                                                                                                   | Tối đa đến STBH<br>(Chi phí Taxi<br>200,000/người/năm)                                                         | Tối đa đến STBH<br>(Chi phí Taxi<br>200,000/người/năm)                                                         | Tối đa đến STBH<br>(Chi phí Taxi<br>200,000/người/năm)                                                         | Tối đa đến STBH<br>(Chi phí Taxi<br>200,000/người/năm)                                                         |
| g. Chi phí mai táng                                                                                                                                                                                                                                        | 4,000,000/năm                                                                                                  | 4,000,000/năm                                                                                                  | 4,000,000/năm                                                                                                  | 4,000,000/năm                                                                                                  |
| <b>Điều kiện E - Điều trị ngoại trú do ốm bệnh</b>                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                                                |                                                                                                                |
| <b>Giới hạn/năm và theo các giới hạn phụ như sau</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>7,500,000/năm</b>                                                                                           | <b>15,000,000/năm</b>                                                                                          | <b>20,000,000/năm</b>                                                                                          | <b>20,000,000/năm</b>                                                                                          |
| 1. Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sĩ, chi phí cho các xét nghiệm, chụp X-quang, siêu âm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm.                                                                           | 750,000/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm                                                           | 1,500,000/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm                                                         | 2,000,000/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm                                                         | 2,000,000/lần khám/người - tối đa 10 lần/gia đình/ năm                                                         |
| 2. Điều trị răng bao gồm:<br>◆ Khám, chụp X.Q;<br>◆ Viêm nướu (lợi), nha chu;<br>◆ Trám răng bằng chất liệu thông thường như Amalgam, composite, fuji<br>◆ Điều trị tuỷ răng;<br>◆ Cạo vôi răng (lây cao răng);<br>◆ Nhổ răng bệnh lí (bao gồm tiểu phẫu). | Không bảo hiểm                                                                                                 | 3,000,000/năm<br>1,000,000/người<br>(Cạo vôi răng<br>VND400,000/năm - 2 lần)                                   | 5,000,000/năm<br>1,500,000/người/năm<br>(Cạo vôi răng<br>VND400,000/năm - 2 lần)                               | 5,000,000/năm<br>1,500,000/người/năm<br>(Cạo vôi răng<br>VND400,000/năm - 2 lần)                               |
| 3. Điều trị bằng các phương pháp vật lí trị liệu (không phải là phương pháp mát-xa hay cái thiện đáng đi)                                                                                                                                                  | 75,000/ngày/người, tối đa 60 ngày /năm                                                                         | 150,000/ngày/người, tối đa 60 ngày /năm                                                                        | 200,000/ngày/người, tối đa 60 ngày /năm                                                                        | 200,000/ngày/người, tối đa 60 ngày /năm                                                                        |
| <b>Điều kiện F - Thai sản</b><br>(Không bảo hiểm chi phí khám thai định kỳ)                                                                                                                                                                                | <b>Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế</b>                                                                | <b>Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế</b>                                                                | <b>Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế</b>                                                                | <b>Đồng chi trả 15% viện tư nhân và quốc tế</b>                                                                |
| <b>Hạn mức</b>                                                                                                                                                                                                                                             | <b>10,000,000/năm</b>                                                                                          | <b>20,000,000/năm</b>                                                                                          | <b>30,000,000/năm</b>                                                                                          | <b>30,000,000/năm</b>                                                                                          |
| a) Biến chứng thai sản                                                                                                                                                                                                                                     | Trả chi phí thực tế tối đa đến STBH thai sản                                                                   | Trả chi phí thực tế tối đa đến STBH thai sản                                                                   | Trả chi phí thực tế tối đa đến STBH thai sản                                                                   | Trả chi phí thực tế tối đa đến STBH thai sản                                                                   |
| b) Sinh mổ                                                                                                                                                                                                                                                 | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan |
| c) Sinh thường                                                                                                                                                                                                                                             | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan | **Chi trả chi phí tiền khám, các xét nghiệm lần cuối cùng trước sinh, chi phí nội trú và các chi phí liên quan |
| <b>Điều kiện G: Hỗ trợ học vấn trong trường hợp Cha/mẹ tử vong (1lần/thời hạn Bảo hiểm)</b>                                                                                                                                                                | <b>2,500,000/lần/suốt thời hạn bảo hiểm</b>                                                                    | <b>5,000,000 /lần/suốt thời hạn bảo hiểm</b>                                                                   | <b>10,000,000/lần/suốt thời hạn bảo hiểm</b>                                                                   | <b>10,000,000/lần/suốt thời hạn bảo hiểm</b>                                                                   |

#### IV/PHÍ BẢO HIỂM

| Chương trình                 | Family Bronze    | Family Silver     | Family Gold       | Family Gold PLUS  |
|------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| <b>PHÍ BẢO HIỂM/gia đình</b> | <b>8,000,000</b> | <b>10,500,000</b> | <b>15,000,000</b> | <b>20,000,000</b> |

#### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE

**V/ THỜI GIAN CHỜ**

| Hạng mục                                 | Ngày              |
|------------------------------------------|-------------------|
| ® Bệnh có sẵn (chi phí y tế & tử vong)   | 365               |
| ® Bệnh đặc biệt (chi phí y tế & tử vong) | 365               |
| ® Tử vong do bệnh thông thường           | 180               |
| ® Bệnh thông thường (chi phí y tế)       | 30                |
| ® Thai sản                               | 270 ngày chờ sinh |

**Trường hợp gia đình tham gia bảo hiểm tại thời điểm em bé chưa đủ 60 ngày tuổi**

Thời gian chờ với chi phí y tế sẽ áp dụng trên đơn vị rủi ro là gia đình trong khi đó thời gian chờ với tử vong áp dụng trên từng người. Gia đình tham gia bảo hiểm và có một thành viên trong gia đình dưới 60 ngày tuổi hoặc gia đình tham gia bảo hiểm được 01 năm và phát sinh sự kiện sinh con thì khi em bé đạt 60 ngày tuổi, UIC đồng ý:

- ◆ Không áp dụng thời gian chờ đối với chi phí y tế phát sinh nằm thuộc phạm vi bảo hiểm
- ◆ Áp dụng thời gian chờ với người được bảo hiểm liên quan đến sự kiện tử vong/ thương tật toàn bộ vĩnh viễn như sau:
  - Bệnh đặc biệt /bệnh có sẵn : 365 ngày
  - Bệnh thông thường : 180 ngày

**Một số định nghĩa quan trọng**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>ĐỊNH NGHĨA BỆNH ĐẶC BIỆT</b></p> <p>Là polip, bướu, u và ung thư các loại; bệnh tim và mạch máu, huyết áp, viêm hoặc loét dạ dày, đại tràng, tá tràng, loét ruột; viêm gan các loại; xơ gan, trĩ, sỏi trong các hệ thống tiết niệu và đường mật; đục thủy tinh thể ở người dưới 50 tuổi; Parkinson; lupus ban đỏ; bệnh tiểu đường; suy thận, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD), các bệnh liên quan đến hệ thống tái tạo máu (bao gồm thay máu, lọc máu, chạy thận nhân tạo, bệnh suy tủy, bạch cầu cấp, bạch cầu mãn tính), các bệnh tự miễn và rối loạn chuyển hóa.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <p><b>ĐỊNH NGHĨA BỆNH CÓ SẴN</b></p> <p>Là bệnh hoặc thương tật hoặc bất kỳ tình trạng y tế có trước ngày hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày cập nhật chương trình bảo hiểm, tùy theo ngày nào muộn hơn và:</p> <p>a. Người được bảo hiểm đã được chẩn đoán hoặc đã phải điều trị trong 3 năm gần đây hoặc vì bệnh này người được bảo hiểm đã có đơn thuốc, điều trị, hội chẩn, hoặc</p> <p>b. Chủ hợp đồng và/hoặc người được bảo hiểm đã biết về nó theo ý kiến của bác sĩ độc lập, hoặc</p> <p>c. Người bảo hiểm đã xuất hiện những triệu chứng trước ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực bất kể đã có tư vấn của bác sĩ hay không, bất kể Người được bảo hiểm đã biết hoặc ý thức được hay không, và bất kể người được bảo hiểm có thực sự khám hoặc điều trị hay không.</p> <p>d. Những bệnh/ thương tật dưới đây khi phát sinh trong năm hiệu lực bảo hiểm đầu tiên đều được coi là bệnh/ thương tật có sẵn trong mọi trường hợp và do bất kể nguyên nhân nào: viêm xoang, hen suyễn; Amidan cần phải cắt, viêm VA cần phải nạo, vẹo vách ngăn cần phẫu thuật; rối loạn tiền đình; viêm tai giữa cần phẫu thuật, thoái hóa các loại, viêm đa khớp các loại; các tình trạng sỏi, sạn, vôi hóa, các bệnh lý về khớp, đĩa đệm, cột sống, đốt sống (thoát vị, hẹp, lồi, trượt, mất vững, vẹo, lệch, thoái hóa...)</p> <p>e. Thương tật có sẵn thể hiện qua các dấu hiệu, triệu chứng, chẩn đoán của bác sĩ, hay bằng chứng của cơ sở y tế hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền</p> |

**VI/ NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý**

- ◆ Không chi trả điều trị Đông Y, Y học cổ truyền, lao các loại, viêm gan các loại
- ◆ Không chi trả chết ko rõ nguyên nhân.
- ◆ Không chi trả chi phí phẫu thuật dây chằng năm đầu do mọi nguyên nhân, bất kể tai nạn hay phẫu thuật
- ◆ Hút thai gây mê và các loại nội soi trong ngày thanh toán theo quyền lợi ngoại trú
- ◆ Không chi trả mọi xét nghiệm cúm, sốt có kết quả bình thường
- ◆ Không chi trả các chi phí liên quan đến tai nạn xảy ra trước ngày hiệu lực của hợp đồng
- ◆ Phẫu thuật không bao gồm thủ thuật, và tiểu phẫu, không chi trả các dụng cụ phẫu thuật/điều trị trong danh sách đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIETLIFE**